

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH H**

Số: 91 /2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*V, ngày 07 tháng 08 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 06 năm 2020 giữa: Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H – SN: 1984

Địa chỉ: thôn N, xã Co, huyện V, tỉnh H

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T– SN: 1984

Địa chỉ: thôn N, xã C, huyện V, tỉnh H

Người có quyền lợi nghĩa vụ quan: cháu Nguyễn Thành Đ – SN: 21/08/2002, cháu Nguyễn Thành L–SN: 11/09/2004.

Đều địa chỉ: thôn N, xã C, huyện V, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,58,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 07 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 07 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T đều xin thuận tình ly hôn.

**Về con chung:** Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện, tự thỏa thuận với nhau.

Giao hai cháu: cháu Nguyễn Thành Đ - sinh ngày 21/08/2002 và cháu Nguyễn Thành L–SN: 11/09/2004 cho anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi

cháu đủ 18 tuổi.

Cháu Nguyễn Thành Đ –SN: 21/08/2002 đã xây dựng gia đình đang ở với anh T, cháu Nguyễn Thành L –SN: 11/09/2004 hiện nay cháu đã nghỉ học và đi làm điện nước cùng với anh T. Các cháu đã đi làm có nguồn thu nhập lên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trịnh Thị H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

**Về tài sản chung vợ chồng, về ruộng nông nghiệp, về công nợ, về công sức:** Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T xác định anh chị không có, nếu có anh chị tự giải quyết với nhau và tự nguyện không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trịnh Thị H tự nguyện xin chịu cả 150.000 tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000388 ngày 21/04/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lâm chị H đã nộp đủ. Chị H tự nguyện sung công quỹ nhà nước số tiền còn lại là 150.000 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *UBND xã C*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký )*

**Phạm Văn T**